

Tín hiệu khả quan trong hoạt động đầu tư nước ngoài năm 2001

PGS.TS. VÕ THANH THU



Kết quả

Theo báo cáo tổng kết của Bộ KHĐT, tất cả các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của các dự án FDI trong năm 2001 đều tăng so với năm 2000.

- Vốn thực hiện: đạt khoảng 2,3 tỷ USD (tăng 3% so với năm 2000), trong đó riêng phần vốn của nước ngoài đạt khoảng 2,1 tỷ USD (chiếm 91% tổng vốn thực hiện – gồm vốn pháp định thực hiện theo cam kết và vốn vay của doanh nghiệp).

- Doanh thu: đạt khoảng 7,4 tỷ USD (tăng 6% so với năm trước). Trong đó doanh thu của KCN đạt 4.500 triệu USD, bằng 123% so cùng kỳ.

- Xuất khẩu: đạt 3,6 tỷ USD (tăng 9% so với năm trước). Trong đó xuất khẩu của KCN đạt 3.000 triệu USD, bằng 133% so cùng kỳ.

- Nhập khẩu: đạt 4,7 tỷ USD (tăng 8% so với năm trước).

- Nộp ngân sách: đạt 373 triệu USD (tăng 15% so với năm trước). Trong đó nộp ngân sách của KCN đạt 150 triệu USD, bằng 136% so cùng kỳ.

- Số lao động: thu hút tính lũy kế cuối kỳ đạt 399.000, tăng 20 ngàn người (tăng 5% so với năm trước). Trong đó lao động tại các KCN là 244 nghìn người, bằng 106% so cùng kỳ.

Riêng những dự án FDI bị giải thể trước thời hạn ít hơn năm 2000: 68 dự án với tổng số vốn đăng ký 1.350 triệu USD (bằng 79% so với năm trước).

Những hạn chế

Bên cạnh những thành tựu, thì hoạt động đầu tư nước ngoài vẫn có những điểm hạn chế cơ bản:

1. Về cơ chế:

- Vẫn còn thiếu những văn bản pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động đầu tư FDI: như thiếu quy chế, chưa được thể chế hóa bằng luật về hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài dưới hình thức công ty cổ phần (mặc dù đến thời điểm đầu tháng 1/2001 có hàng chục doanh nghiệp có vốn FDI đăng ký chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH sang công ty cổ phần).

- Về phân quyền quản lý hoạt động của các dự án FDI sau giấy phép tiến hành còn chậm, chưa rõ gây khó khăn cho các nhà đầu tư.

- Chưa có kế hoạch thực thi Hiệp định thương mại Việt – Mỹ trong hoạt động đầu tư từ cấp cơ sở đến cấp trung

ương (mặc dù Hiệp định đã có hiệu lực thực thi).

2. Những điểm bất hợp lý:

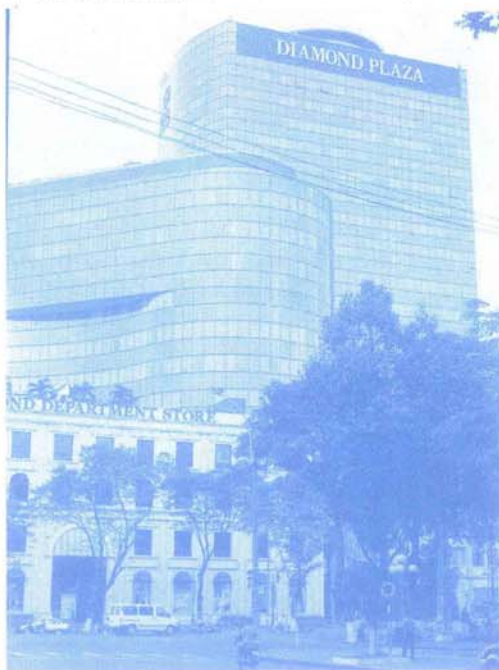
- Bất hợp lý ở cơ cấu ngành thu hút vốn: ở ngành nông, lâm, thủy hải sản đây là thế mạnh của Việt Nam, 7 trong 10 nhóm ngành hàng xuất khẩu hàng đầu của đất nước là nông sản, nhưng năm 2001 chỉ thu hút trên 1% tổng vốn FDI đăng ký. Nếu không có chính sách thỏa đáng để khắc phục tình trạng này, thì hoạt động đầu tư FDI không thể tham gia cải thiện tình hình xuất khẩu nông sản thô như hiện nay của Việt Nam.

- Bất hợp lý trong cơ cấu địa phương thu hút vốn FDI: thật vậy, vốn đầu tư chỉ mới tập trung vào vùng kinh tế động lực phía Nam và Hà Nội, năm 2001 có đến 23 tỉnh, thành phố chưa thu hút FDI, đây lại là những vùng khó khăn, cần vốn để phát triển.

3. Hiệu quả chưa cao:

- Tốc độ xuất khẩu tăng chậm lại so với năm 2000 đạt mức tăng 9%, trong khi đó nhập khẩu tăng dần tới nhập siêu ở khu vực đầu tư nước ngoài là 1,1 tỷ USD.

- Nhiều dự án lớn bị giải thể, bị rút giấy phép hoạt động điển hình như Công ty liên doanh xi măng Hoàn Cầu với tổng vốn đầu tư 260 triệu USD; Công ty TNHH nhựa đường Total: tổng vốn đầu tư 198,5 triệu USD; Công ty liên doanh Nissan Việt Nam: vốn đầu tư 110 triệu USD.



PHÁT TRIỂN KINH TẾ Tháng Hai 2002

Những giải pháp

- Tiếp tục duy trì một cách bền bỉ và lâu dài các biện pháp về hoàn thiện cơ chế chính sách, thủ tục hành chính, xúc tiến thương mại... mà Chính phủ và các địa phương đã áp dụng ở năm 2001.

- Sớm ban hành và có quy chế cụ thể thực hiện việc cổ phần hóa các doanh nghiệp có vốn FDI.

- Xây dựng đề án có lộ trình cho phép các công ty cổ phần có vốn FDI được tham gia thị trường chứng khoán.

- Sớm lập đề án với lộ trình cụ thể về thực thi Hiệp định thương mại Việt - Mỹ trong hoạt động đầu tư.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích về tài chính: thuế, tiền thuê đất... để kích thích các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư vào các ngành nông nghiệp nhằm khai thác có hiệu quả các lợi thế của Việt Nam.

- Thông qua các nguồn ODA, Nhà nước tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ở các vùng kinh tế tiềm năng nhưng còn gặp khó khăn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Thực hiện cải cách hoạt động tài chính - tiền tệ: tỷ giá hối đoái; hoàn thiện sắp xếp lại hệ thống ngân hàng, cơ chế thể chấp vay vốn... nhằm kích thích các nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn vào Việt Nam làm ăn. Lưu ý các cải cách và biện pháp tài chính đưa ra phải mang tính cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực đặc biệt là Trung Quốc và Thái Lan.

- Xúc tiến nghiên cứu phương án cải cách hoạt động đầu tư để gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

- Tiếp tục cải cách hệ thống hoạt động hành chính. Triệt để chống tham nhũng để lành mạnh hóa môi trường đầu tư.

Tóm lại, năm 2001 qua đi để lại nhiều thành tựu trong hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài đối với đất nước Việt Nam. Chúng ta có quyền hy vọng ở năm 2002 vì những gì mà năm 2001 để lại và vì biết được những vấn đề cần làm, cần hoàn thiện trong tương lai trong lĩnh vực hoạt động FDI ■

NGÀNH XĂNG DẦU VIỆT NAM NĂM 2001 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

TS. VÕ TẤN PHONG

Ngành xăng dầu, xét từ nhiều góc độ, là một ngành hàng quan trọng mà cho đến nay Nhà nước vẫn còn quản lý chặt chẽ theo cơ chế quản lý của một ngành kinh doanh có điều kiện. Năm 2001, mặc dù bị ảnh hưởng rất nhiều bởi tình hình cung cầu, giá cả biến động bất thường của thị trường dầu mỏ thế giới, ngành xăng dầu Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ phát triển.

Tổng quan

Theo dự báo của Bộ thương mại, nhập khẩu cho nhu cầu tiêu thụ trong nước vào khoảng 8,145 triệu tấn và để tái xuất khoảng 800 ngàn tấn. Tính đến 30.11.2001, cả nước nhập khẩu 8,26 triệu tấn với tổng kim ngạch là 1,711 tỷ USD. Dự kiến đến 31.12.2001 tổng số nhập khẩu sẽ lên đến 9,1 triệu tấn, với tổng kim ngạch khoảng 1,871 tỷ USD; trong đó, nhập khẩu cho tiêu dùng nội địa khoảng 8,3 triệu tấn, kim ngạch 1,7 tỷ USD. So với năm 2000 nhu cầu tiêu thụ trong nước tăng khoảng gần 4% và khối lượng nhập khẩu tăng 3,7%; nhưng nếu xét về trị giá thì kim ngạch nhập khẩu năm 2001 giảm khoảng 9% so với năm 2000.

Theo tính toán cho năm 2001, nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ ngành xăng dầu vào khoảng hơn 10 ngàn tỷ đồng, chiếm hơn 12% nguồn thu ngân sách nhà nước từ các khoản thuế, phí và lệ phí; so với năm 2000, tăng tuyệt đối hơn 3 ngàn tỷ đồng và tăng tương đối hơn 40%. Các nguồn thu từ ngành xăng dầu là lớn và quan trọng đối với ngân sách nhà nước, nhưng chi phí thu đối với nguồn thu này lại ít tốn kém vì rất tập trung, dễ quản lý do